

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 18 Nguyễn Tất Thành, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0500 3855776

Fax: 0500 3855212

-----o0o-----

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN NHÀ NƯỚC



ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 6278 0191 Fax: 04 6278 0136



TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Địa chỉ: Số 10 Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 7306 8686 Fax: (04) 3933 4968

Tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

I.	NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	5
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
1.	Tổ chức chào bán	6
2.	Tổ chức tư vấn	6
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	6
IV.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	6
1.	Tổ chức chào bán và thông tin chứng khoán chào bán.....	6
1.1.	Tổ chức chào bán.....	6
1.2.	Chứng khoán chào bán	7
2.	Mục đích chào bán	7
3.	Điều kiện tham dự đấu giá	7
4.	Công bố thông tin và đăng ký đấu giá cổ phần.....	7
5.	Tổ chức đấu giá.....	7
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN	8
1.	Giới thiệu về tổ chức chào bán	8
3.	Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu.....	9
4.	Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty	9
5.	Cơ cấu cổ đông của Công ty	11
6.	Danh sách các công ty con, công ty liên kết (không có).....	11
7.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức chào bán.....	11
7.1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
7.2	Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào	14
7.3	Trình độ công nghệ	15
7.4	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm	15



7.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.....	15
7.6 Hoạt động Marketing	15
7.7 Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	16
8. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	16
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp trong ngành	17
9. Chính sách đối với người lao động	17
9.1 Số người lao động trong công ty.....	17
9.2 Chính sách đối với người lao động	18
10. Chính sách cổ tức	19
11. Tình hình tài chính	20
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	20
11.2 Các chỉ tiêu tài chính.....	22
12. Danh sách HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	23
12.1. Hội đồng quản trị	23
12.2. Ban kiểm soát.....	23
12.3. Ban giám đốc.....	23
12.4. Kế toán trưởng	23
13. Tài sản	23
14. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức trong 3 năm 2012, 2013, 2014:	25
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	25
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán.....	25
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	25
VI. RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	25
1. Rủi ro về kinh tế.....	25
2. Rủi ro thị trường.....	26
3. Rủi ro về luật pháp	26



4.	Rủi ro từ đợt chào bán.....	26
5.	Rủi ro khác	27
VII.	LỜI KẾT	28



I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 10, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29/6/2006;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 09/02/2009 của Chính Phủ về Quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và Quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Hợp đồng tổ chức đấu giá số 11/2012/HĐTV-ĐG ký ngày 31/07/2012 giữa Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh về việc cung cấp dịch vụ Tư vấn và Tổ chức bán đấu giá cổ phần tại Công ty cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk;
- Quyết định 559/QĐ-ĐTKDV ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk;





II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức chào bán

Ông: **Trần Văn Tiên** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty CP Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk.

Chúng tôi đảm bảo rằng những thông tin trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp, đầy đủ và cần thiết để nhà đầu tư có thể đánh giá về hoạt động, tình hình tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng hoạt động của Công ty cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: **Vũ Quang Vịnh** – Chức vụ: Phó tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn ngữ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý, cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin số liệu do Công ty Cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

SCIC: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

Công ty: Công ty Cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk

CTCP: Công ty cổ phần

HDQT: Hội đồng Quản trị

BKS: Ban Kiểm soát

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Tổ chức chào bán và thông tin chứng khoán chào bán

1.1. Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐẮK LẮK

- Logo Công ty:



- Trụ sở chính: 18 Nguyễn Tất Thành, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

- Điện thoại: 0500 3855776

- Fax: 0500 3855212





- Vốn điều lệ: **82.148.000.000 đồng** (*Tám mươi hai tỷ một trăm bốn mươi tám triệu đồng*).
- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng/1cp** (*Mười nghìn đồng/ một cổ phần*).
- Số lượng cổ phần hiện có: **8.214.800 cổ phần** (*Tám triệu hai trăm mười bốn nghìn tám trăm cổ phần*)

1.2. Chứng khoán chào bán

- Loại cổ phần chào bán: **Cổ phần phổ thông**
- Số lượng cổ phần chào bán: **1.668.880 cổ phần** (*Một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi cổ phần*)
- Mệnh giá cổ phần chào bán: **10.000 đồng/1cp** (*Mười nghìn đồng/một cổ phần*)
- Hình thức chào bán: **Đấu giá công khai**
- Giá khởi điểm: **24.000 đồng/01 cổ phần** (*Hai mươi tư nghìn đồng/ một cổ phần*)
- Bước giá: **100 đồng** (*Một trăm đồng*)
- Số mức giá: **2 mức giá** (*Hai mức giá*)
- Bước khối lượng: **100 cổ phần** (*Một trăm cổ phần*)
- Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu: **100 cổ phần** (*Một trăm cổ phần*)
- Số lượng cổ phần đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức trong nước: **1.668.880 cổ phần** (*Một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi cổ phần*)
- Số lượng cổ phần đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức nước ngoài: **1.668.880 cổ phần** (*Một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi cổ phần*)
- Số lượng cổ phần đặt mua phải bằng số lượng cổ phần đăng ký

2. Mục đích chào bán

Mục đích chào bán: bán phần vốn Nhà nước do SCIC quản lý tại Công ty cổ phần Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk. SCIC cơ cấu lại danh mục đầu tư theo chủ trương của SCIC tại Doanh nghiệp mà SCIC không cần nắm giữ cổ phần.

3. Điều kiện tham dự đấu giá

Theo quy chế bán đấu giá cổ phần của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Công ty cổ phần Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk.

4. Công bố thông tin và đăng ký đấu giá cổ phần

Theo quy chế bán đấu giá cổ phần của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Công ty cổ phần Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk.

5. Tổ chức đấu giá

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.39412626

Fax: 04.339347818





V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Giới thiệu về tổ chức chào bán

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Lương Thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk**

Tên giao dịch: **Dak Lak Agricultural Materials And Food Joint Stock Company (DAKFOCAM)**

Địa chỉ: 18 Nguyễn Tất Thành, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0500 3855776

Fax: 0500 3855212

Lịch sử hình thành và quá trình phát triển:

- Năm 1993 Công ty được thành lập theo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định 388 của Chính phủ nhằm tăng cường công tác tài chính, tổ chức lại sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo ra nguồn thu ngân sách. UBND tỉnh ra Quyết định số: 179/QĐ-UB ngày 19 tháng 3 năm 1993 thành lập Doanh nghiệp Nhà Nước là: Công ty Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk.

- Năm 2003 công ty bắt đầu thực hiện cổ phần hoá theo Quyết định số 4487/QĐ-UB ngày 30/12/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hoá Công ty Lương thực vật tư Nông Nghiệp Đắk Lắk. Từ ngày 01/07/2004 Công ty đi vào hoạt động SXKD chính thức với tên gọi: Công ty Cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk.

Quá trình tăng vốn tại công ty:

- Năm 2011, Công ty Cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk tăng vốn từ 32.598.960.000 đồng lên 41.074.000.000 đồng, phát hành tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu là 6.519.420.000 đồng và phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong công ty là 1.955.620.000 đồng.

- Năm 2012, Công ty Cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk tăng vốn từ 41.074.000.000 đồng lên 82.148.000.000 đồng, phát hành tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu là 8.214.490.000 đồng và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 32.859.510.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Giấy Chứng nhận ĐKKD số 6000457333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu công ty cổ phần ngày 30/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14/06/2012. Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Buôn bán thực phẩm
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu như mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Chế biến tinh bột sản xuất khẩu





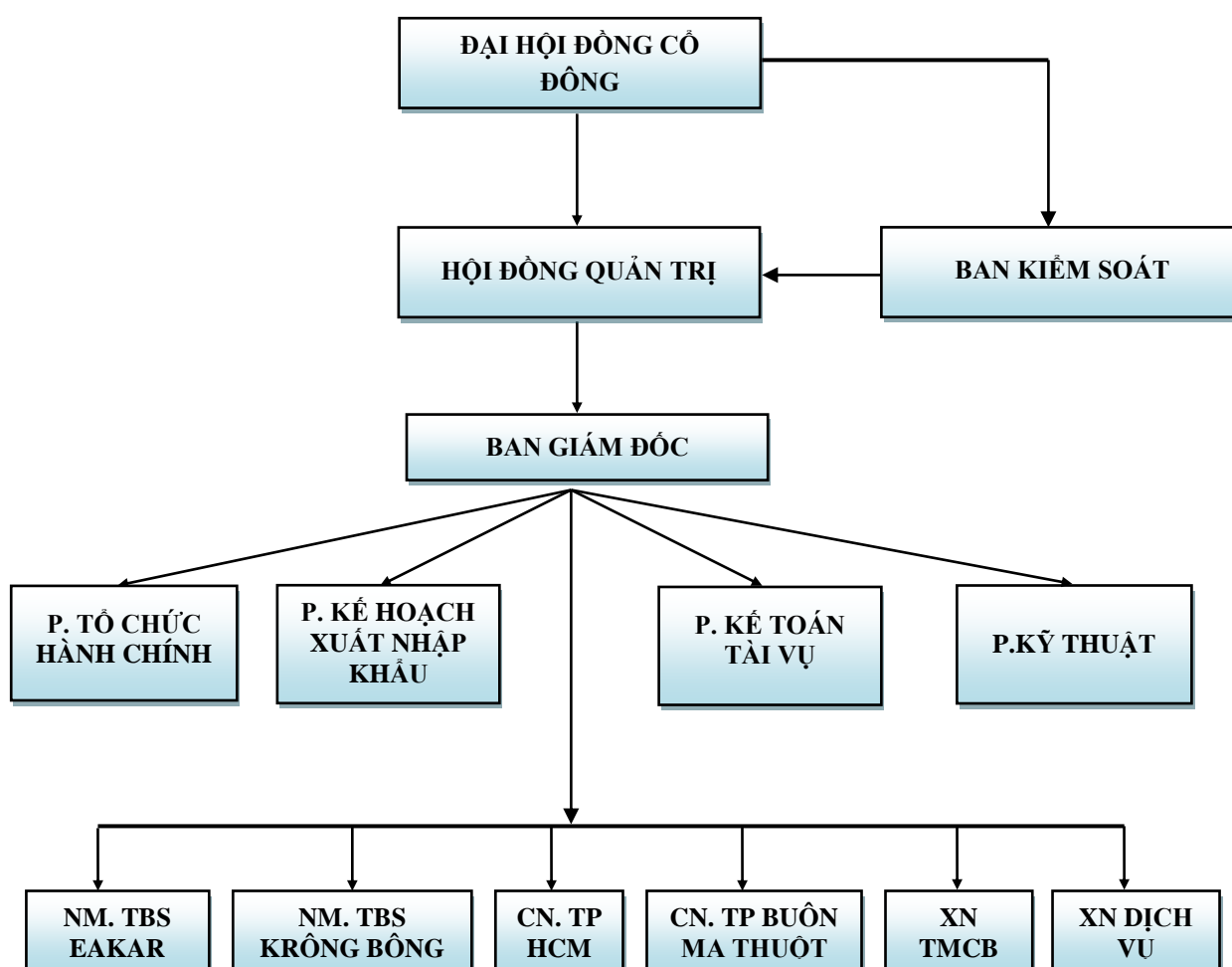
- Dịch vụ sản xuất cung ứng giống cây trồng
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt
- Sản xuất phân hữu cơ đa vi lượng
- Sản xuất bao bì PP và PE

3. Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Công ty cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk chủ yếu hoạt động kinh doanh lương thực, nông sản, phân bón, giống cây trồng các loại, chế biến tinh bột sắn phục vụ tiêu dùng nội bộ và xuất khẩu.

4. Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty

Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty



Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành



viên Ban kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và các công tác khác của Công ty chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về mọi hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm trước cổ đông về các hoạt động giám sát của mình. BKS giám sát tình hình tài chính, tính hợp pháp trong các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

Tổng giám đốc

Là người đại diện pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Phòng Kế toán – Tài vụ

Có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm; tổ chức bộ máy kế toán; thực hiện quản lý nguồn vốn và tài sản; thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, nghiệp vụ ngân hàng, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; quản lý lao động tiền lương; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

Phòng Kỹ thuật

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong công tác: Quản lý kỹ thuật và đầu tư xây dựng công trình; Thẩm định hồ sơ kỹ thuật dự toán, hồ sơ nghiệm thu công trình, hồ sơ kỹ thuật nhà máy.

Phòng Kế hoạch Xuất Nhập Khẩu

Tham mưu cho Tổng giám đốc và tổ chức thực hiện các lĩnh vực: Xuất khẩu các mặt hàng của công ty; nhập khẩu và mua sắm thiết bị, phụ tùng, vật liệu đáp ứng yêu cầu bảo dưỡng, sửa chữa và thay mới, bảo đảm các dây chuyền sản xuất của công ty.

Nhà máy Tinh bột sắn EAKAR

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc vận hành hiệu quả, an toàn nhà máy; Quản lý và duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, công trình, nhà máy; Sản xuất tinh bột Sắn đạt chất lượng cao.





Nhà máy Tinh bột sắn KRÔNG BÔNG

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc vận hành hiệu quả, an toàn nhà máy; Quản lý và duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, công trình, nhà máy; nhiệm vụ của nhà máy là sản xuất tinh bột Sắn đạt chất lượng cao.

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Chi nhánh TP Buôn Ma Thuột

Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động của chi nhánh theo đúng qui định của pháp luật;

Xí nghiệp thu mua chế biến

Với nhiệm vụ chính của xí nghiệp là kinh doanh về thương mại, kinh doanh các mặt hàng của công ty như kinh doanh về mua bán tinh bột sắn.

Xí nghiệp dịch vụ

Với nhiệm vụ chính của xí nghiệp là kinh doanh thương mại chủ yếu bán phân bón.

5. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk tại thời điểm ngày 30/06/2012:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) sở hữu
I	Trong nước:			
1	- Nhà nước (SCIC)	1	5.562.908	67,7%
2	- Cổ đông khác	93	2.651.892	32,3%
	<i>Trong đó: + Tổ chức</i>	0	-	0%
	<i>+ Cá nhân</i>	93	2.651.892	32,3%
II	Nước ngoài:		-	0%
	Tổng cộng	94	8.214.800	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/6/2011

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước	Tầng 23 tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	5.562.908	67,7%

6. Danh sách các công ty con, công ty liên kết (không có)

7. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức chào bán

7.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh





a. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	2010	2011	30/06/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	139.578.102.605	140.618.250.081	166.410.381.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	14.307.468.981	45.974.546.234	17.476.305.769
1. Tiền	14.307.468.981	18.857.879.534	17.476.305.769
2. Các khoản tương đương tiền	-	27.116.666.700	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	92.560.721.000
1. Đầu tư ngắn hạn	-	-	92.560.721.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	52.256.908.377	41.256.250.056	40.963.289.260
1. Phải thu khách hàng	45.151.544.844	30.372.083.764	38.323.989.195
2. Trả trước cho người bán	11.745.668.711	13.519.054.669	4.621.983.936
5. Các khoản phải thu khác	619.038.984	361.903.436	1.014.107.942
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-5.259.344.162	-2.996.791.813	-2.996.791.813
IV. Hàng tồn kho	67.920.321.743	48.410.627.899	14.014.680.801
1. Hàng tồn kho	67.920.321.743	53.903.309.552	14.014.680.801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-5.492.681.653	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.093.403.504	4.976.825.892	1.395.384.616
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	442.652.795	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	4.005.816.514	3.314.203.533	529.520.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	380.171.737	351.367.936	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	707.415.253	868.601.628	865.863.675
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	27.615.553.954	32.740.214.441	31.791.998.496
II. Tài sản cố định	27.036.606.454	32.222.856.135	31.044.640.190
1. Tài sản cố định hữu hình	23.344.314.524	31.172.186.283	30.575.068.738
- Nguyên giá	77.895.314.385	92.137.139.709	95.021.998.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	-54.550.999.861	-60.964.953.426	-64.446.929.919
3. Tài sản cố định vô hình	177.709.044	282.272.206	255.263.650
- Nguyên giá	194.080.600	348.344.000	348.344.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	-16.371.556	-66.071.794	-93.080.350
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.514.582.886	768.397.646	214.307.802
V. Tài sản dài hạn khác	578.947.500	517.358.306	747.358.306
1. Chi phí trả trước dài hạn	578.947.500	517.358.306	747.358.306
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	167.193.656.559	173.358.464.522	198.202.379.942
NGUỒN VỐN	2010	2011	30/06/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	69.570.731.164	40.407.314.727	55.598.924.352
I. Nợ ngắn hạn	66.816.136.044	39.724.335.432	54.939.729.057
1. Vay và nợ ngắn hạn	29.855.676.000	3.230.562.150	12.687.111.000
2. Phải trả người bán	18.074.786.111	6.132.211.295	3.494.654.717
3. Người mua trả tiền trước	1.875.757.859	6.363.518.750	8.877.553.250
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.230.392.783	3.476.990.572	4.140.126.210
5. Phải trả người lao động	9.361.476.558	14.417.801.135	12.319.777.981
6. Chi phí phải trả	2.986.117.836	1.873.291.493	10.040.349.101
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	2.888.200.184	3.840.469.310	1.421.010.085
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	543.728.713	389.490.727	1.959.146.713
II. Nợ dài hạn	2.754.595.120	682.979.295	659.195.295





3. Phải trả dài hạn khác	363.660.000	320.460.000	320.460.000
4. Vay và nợ dài hạn	2.178.938.333	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	211.996.787	362.519.295	338.735.295
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	97.622.925.396	132.951.149.795	142.603.455.590
I. Vốn chủ sở hữu	97.622.925.396	132.951.149.795	142.603.455.590
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.598.960.000	41.074.000.000	82.148.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	1.760.058.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	12.569.513.311	31.410.628.752	15.861.176.752
8. Quỹ dự phòng tài chính	4.668.135.162	6.519.792.162	6.519.792.162
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	47.786.316.923	52.186.670.881	38.074.486.676
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	167.193.656.560	173.358.464.522	198.202.379.942

Nguồn: BCTC Công ty CP Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk đã kiểm toán 2010, 2011 và BCTC 6 tháng đầu năm 2012

Phân tích sự biến động của các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán:

Trong năm 2012 chỉ tiêu đầu tư ngắn hạn tăng 92,56 tỷ, đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, đơn vị đã chuyển số dư các khoản tương đương tiền trong năm 2011 và dòng tiền dương từ hoạt động kinh doanh. Như vậy trong năm 2012 công ty hứa hẹn sẽ có một khoản doanh thu tài chính cao, điều này phản ánh sức mạnh về tài chính của đơn vị, trong bối cảnh tiền tệ đang khan hiếm của nền kinh tế nhưng đơn vị có được một lượng tiền lớn sẽ giúp hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều thuận lợi.

Hàng tồn kho của đơn vị giảm mạnh từ 48,4 tỷ cuối năm 2011 còn 14 tỷ tại 30/6/2012 phản ánh khả năng bán hàng tiêu thụ sản phẩm đang được cải thiện, hàng hóa không bị tồn đọng tại kho, sản xuất tới đâu bán tới đó đồng thời giảm thiểu được chi phí lưu kho.

Thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông cổ đông năm 2012 ngày 02/4/2012 thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 41.074.000.000 đồng lên 82.148.000.000 đồng theo hình thức: trả cổ tức bằng cổ phiếu tương đương 8.214.490.000 đồng và chi cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế, thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển.

b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	2010	2011	30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	860.515.867.576	759.282.632.875	354.702.873.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	285.695.238	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	860.515.867.576	758.996.937.637	354.702.873.956
4. Giá vốn hàng bán	762.292.997.556	648.214.026.684	277.622.877.014
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	98.222.870.020	110.782.910.953	77.079.996.942
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.996.707.443	5.396.729.837	3.765.196.142
7. Chi phí tài chính	-3.580.351.453	(3.067.288.516)	-466.994.274
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-3.124.678.132	(2.146.126.138)	-450.721.461
8. Chi phí bán hàng	-32.277.007.451	(44.785.062.701)	-34.485.103.029
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-16.131.813.488	(14.639.310.056)	-8.958.491.353
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49.230.405.071	53.687.979.517	36.934.604.428





11.Thu nhập khác	2.328.402.467	871.307.038	546.502.999
12.Chi phí khác	-1.350.038.079	(159.759.981)	-29.137.059
13.Lợi nhuận khác	978.364.388	711.547.057	517.365.940
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.208.769.459	54.399.526.574	37.451.970.368
15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-2.686.600.018	(2.565.981.161)	-2.184.618.619
16.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.522.169.441	51.833.545.413	35.267.351.749
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.148,00	12.820,00	-

Nguồn: BCTC Công ty CP Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk đã kiểm toán 2010, 2011 và BCTC 6 tháng đầu năm 2012

Doanh thu năm 2011 giảm 12% so với năm 2010 nhưng giá vốn của công ty giảm tương ứng là 15% như vậy công ty đã cải thiện được chi phí sản xuất nên lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng 10% so với năm 2010. Kết thúc 6 tháng năm 2012 lợi nhuận sau thuế của công ty đã đạt 68% so với lợi nhuận của năm 2011, như vậy hứa hẹn năm 2012 công ty có kết quả lợi nhuận cao hơn năm 2011, với kế hoạch lợi nhuận sau thuế công ty đặt ra cho năm 2012 là 40 tỷ thì công ty hoàn toàn có khả năng thực hiện vượt kế hoạch. Đây sẽ là một điểm sáng hiếm hoi trong hoàn cảnh các doanh nghiệp Việt Nam năm 2012 đang gặp nhiều khó khăn.

c. Sản lượng hàng hóa chính qua các năm

Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	
				6 Tháng/2012	KH năm 2012
1. Sản xuất tinh bột sắn	Tấn	45.312,48	52.697,50	36.260,36	48.000
2. Phân bón bán ra	Tấn	15.174,34	13.272,95	2.458,75	-

Hoạt động sản xuất chính của Công ty tập trung vào sản xuất tinh bột sắn, 6 tháng đầu năm 2012 công ty đã thực hiện được 75% so với kế hoạch đã đề ra trong năm 2012 như vậy khả năng công ty hoàn thành kế hoạch tốt. Đối với phân bón bị tác động bởi sự cạnh tranh cùng ngành đã ảnh hưởng đến lượng bán phân bón của công ty và 6 tháng đầu năm 2012 chỉ bán ra được 2.458,75 tấn.

7.2 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đăklak chủ yếu là các sản phẩm nông nghiệp như: Sắn lát, tinh bột sắn, sắn củ tươi, đậu các loại, ngô thành phẩm... trước đây chủ yếu được mua trôi nổi trong nông dân thì cho đến nay đã hình thành được hệ thống đại lý thu mua ở khắp các địa phương trong tỉnh và khu vực lân cận. Bên cạnh các đại lý thu mua nguyên liệu Công ty còn đã từng bước đầu tư vào vùng nguyên liệu để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, hoạt động này sẽ được đẩy mạnh trong thời gian tới trên cơ sở phát triển vùng nguyên liệu cân đối với việc mở rộng công suất của nhà máy với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong kết cấu chi phí của Công ty, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Giá cả nguyên vật





liệu trong thời gian qua có sự biến động do giá nhiên liệu (xăng, dầu...), giá điện tăng làm tăng chi phí sản xuất của các nhà cung cấp nguyên vật liệu khiến cho giá cả nguyên vật liệu cũng bị tăng lên tương ứng.

7.3 Trình độ công nghệ

Hiện tại Công ty đang tập trung đầu tư nâng cấp các thiết bị máy móc và phát huy hết công suất để tạo đủ nguồn hàng cho sản xuất, xuất khẩu. Công ty cũng tiến hành mua mới, nâng cấp các thiết bị, máy móc hiện đại như: hệ thống gia nhiệt không khí, hệ thống sấy bột và phụ trợ, máy chiết ngang, máy chiết đứng, máy nghiền, máy phân ly, máy tách nước và hệ thống xử lý nước thải... để thay thế dần lao động chân tay và máy móc cũ ở các công đoạn quan trọng nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, sản phẩm đạt chất lượng cao. Đồng thời giúp giảm thất thoát trong quá trình chế biến, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành phẩm.

7.4 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Hiện tại Công ty đã thành lập một bộ phận nghiên cứu và phát triển gồm các thành viên có trình độ nghiệp vụ cao và có óc sáng tạo, nhạy bén, nhằm nghiên cứu ra các sản phẩm mới, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và ngoài nước.

Công ty cũng tích cực nghiên cứu các sản phẩm và quy trình sản xuất mới nhằm giảm thời gian sản xuất và hạn chế tỷ lệ phế phẩm. Thường xuyên đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ kỹ thuật, công nhân để họ bắt nhịp kịp với những tiến bộ về khoa học đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách khen thưởng sáng kiến cho bộ phận nghiên cứu theo hiệu quả của sáng kiến đó đem lại để khuyến khích họ phát huy năng lực của mình

7.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ, xem mục tiêu vận hành an toàn, hiệu quả nhà máy là yếu tố chất lượng của sản phẩm. Hệ thống QLCL từ các phòng đến nhà máy đều được xây dựng mô hình quản lý thống nhất, qui định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí, bộ phận nhằm phát huy hiệu quả giám sát và điều hành sản xuất.

7.6 Hoạt động Marketing

Công ty nhận thức rất rõ: trong điều kiện kinh tế thị trường hoạt động Marketing giữ vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã và đang đầu tư đúng mức cho hoạt động này trong thời gian tới. Khi ngành nghề kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, yêu cầu đối với hoạt động Marketing sẽ ở mức cao hơn và Công ty sẽ tiếp tục đầu tư cho lĩnh vực Marketing để có được một đội ngũ Marketing vững mạnh, mang tính chuyên nghiệp cao để thu thập thông tin thị trường, khách hàng nhằm xác định nhu cầu của thị trường, của khách hàng cũng như khả năng tài chính của khách hàng để đưa ra những chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng thời điểm cụ thể. Từ đó góp phần mang lại sự thành công của Công ty trong việc tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty cũng nhận thức được tầm quan trọng của thương hiệu nên không ngừng củng cố và phát triển thương hiệu để giữ vững vị trí của mình trên thị trường thông qua việc cung ứng hàng hóa kịp thời và nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Thực hiện đúng



những gì đã cam kết với khách hàng nhằm mục đích xây dựng hình ảnh của Công ty và nâng cao uy tín trên thương trường.

7.7 Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Địa điểm thực hiện	Giá trị HD	Thời gian thực hiện	
					Bắt đầu	Kết thúc
1	Cung cấp Tinh bột sắn	Cty Hữu hạn TM Tự Thuận Bằng Tường Quảng Tây	Việt Nam	566.000 NDT	21/8/2012	30/8/2012
2	Cung cấp Tinh bột sắn	Nanning Xinlianfa Starch Co., Ltd	Việt Nam	600.000 CNY	01/8/2012	03/8/2012
3	Cung cấp Tinh bột sắn	Changli Countr Sancai Food Co., Ltd	Việt Nam	200.000 CNY	26/7/2012	31/7/2012
4	Cung cấp Tinh bột sắn	Gou Qi Do Li Trade Limited Company Dongxing City	Việt Nam	400.000 CNY	19/7/2012	23/7/2012
5	Cung cấp Tinh bột sắn	Guangxi Pingxiang Xilaifu Import & Export Trade Co., Ltd	Việt Nam	400.000 CNY	5/7/2012	9/7/2012
6	Cung cấp Tinh bột sắn	DongXing City Fuyuan Trade Co., Ltd	Việt Nam	500.000 CNY	7/5/2012	10/5/2012

8. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Thuận lợi:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đăklak có những mặt thuận lợi như sau:

- Có được sự đoàn kết, nhất trí của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty là những người ham học hỏi, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm tất cả vì sự phát triển của Công ty. Đây chính là động lực cho cán bộ nhân viên toàn Công ty tiếp tục có nhiều nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ.
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty duy trì tốt việc hợp hàng quý theo điều lệ và họp đột xuất khi có các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị là những người có kinh nghiệm, hoạt động lâu năm trong ngành kinh doanh của Công ty. Chính điều này đã hỗ trợ rất nhiều cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo điều lệ Công ty.
- Công ty đã và đang nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình, tích cực và kịp thời của hệ thống ngân hàng thương mại giúp đỡ Công ty rất nhiều trong việc cung cấp tín dụng đảm bảo các cơ hội kinh doanh của Công ty. Đáp lại, trong nhiều năm đã qua, Công ty vẫn giữ được uy tín tuyệt đối với ngân hàng trong tất cả các hợp đồng tín dụng.

Đội ngũ CBNV người lao động đã trưởng thành có nhiều kinh nghiệm cùng với sự quyết tâm





để hoàn thành Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc thiết bị, trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm tổ chức quản lý SXKD, mối quan hệ liên doanh, liên kết với đối tác, khách hàng đã có một quá trình xây dựng, phát triển, trải qua thử thách, đã đứng vững và khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường trong nước và ngoài nước.
- Có đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu ngành lương thực.

Khó khăn:

Những năm gần đây là những năm nền kinh tế thế giới và kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn đã tác động đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đăklak:

- Công ty đã phải đối mặt với không ít khó khăn do thị trường lương thực thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Giá lương thực thực phẩm trong nước biến động tăng mạnh;
- Sự cạnh tranh trong ngành diễn ra khốc liệt trên thị trường nội địa và thị phần xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc.
- Các chính sách quản lý của Nhà nước về kinh tế, ngân hàng như chống lạm phát, siết chặt tín dụng; Lãi suất ngân hàng tăng cao, không ổn định.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp trong ngành

Hiện tại, Công ty cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đăk Lăk là đơn vị kinh doanh lương thực thực phẩm, phân bón có truyền thống lâu năm, có quy mô khá trong ngành. Công ty là một trong những doanh nghiệp hàng đầu (về quy mô và hiệu quả, lành mạnh về tài chính) có văn phòng đại diện đặt tại TPHCM và mạng lưới thu mua chế biến hoạt động kinh doanh khắp các tỉnh khu vực tây nguyên.

Bên cạnh đó, uy tín của Công ty trong những năm qua đã được khẳng định. Sản phẩm tinh bột sắn của công ty đã khá quen thuộc với thị trường Trung Quốc. Công ty cũng đang tăng cường đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp vào các thị trường nhập khẩu khác.

Công ty luôn đặt mục tiêu đảm bảo chất lượng sản phẩm, đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh lên hàng đầu nên Công ty đã xây dựng được uy tín với khách hàng. Đặc biệt Công ty còn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ của cán bộ công nhân viên. Vì vậy Công ty ngày càng khẳng định được vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số người lao động trong công ty





Tình hình nhân sự tại công ty tại thời điểm 30/6/2012

Đơn vị: Người

TT	Phân loại	Người
1	Trên đại học	01
2	Trình độ đại học	46
3	Trình độ cao đẳng	16
4	Trình độ trung cấp	34
5	Công nhân, kỹ thuật, LĐ phổ thông	52
6	Lao động phổ thông	123
	Tổng số	272

(Nguồn: Công ty CP Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk)

9.2 Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án thì cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm và tự nguyện làm thêm giờ, Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên sẽ được cộng thêm 01 ngày phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: Công ty thực hiện thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng và thực hiện thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định là 04 tháng đây là phần BHXH trả thay lương.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên. Công ty áp dụng chế độ định kỳ khám kiểm tra sức khỏe tổng hợp cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty mỗi năm 1 lần.

b. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học chuyên ngành có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng,





việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.
- Đào tạo: Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. cán bộ công nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.
- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.
- Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn kết lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên hăng say làm việc vì hiệu quả chung, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên thông qua hình thức bán cổ phiếu với giá ưu đãi.

10. Chính sách cổ tức

Chính sách chi trả cổ tức được thực hiện theo điều lệ của công ty, Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức trong 3 năm 2009, 2010, 2011

Năm	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tỷ lệ cổ tức	60%/năm	70%/năm	70%/năm
Trong đó			
Tiền mặt	20%	50%	50%
Cổ phiếu	40%	20%	20%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ Công ty 2010,2011,2012)





11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định của những tài sản đầu tư trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xác định theo các Quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đối với các tài sản đầu tư sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được phản ánh theo giá thực tế.

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, nay là Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

b. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân trong 3 năm 2009, 2010, 2011

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Mức lương bình quân trên người	6.206.000	8.330.000	12.368.000

(Nguồn: Công ty CP Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk)

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện thanh toán tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 cho thấy Công ty đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ, giữ uy tín cho Công ty và phát huy được hiệu quả sử dụng vốn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Số dư các quỹ của năm 2009, 2010 và 2011 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.734.406.265	12.569.513.311	31.410.628.752
2	Quỹ dự phòng tài chính	2.024.342.096	4.668.135.162	6.519.792.162





3	Quỹ đầu khen thưởng phúc lợi	255.539.547	543.728.713	389.490.727
	Tổng cộng			

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009, 2010, 2011)

f. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu		31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
I	Phải thu ngắn hạn	44.642.086.357	52.256.908.377	41.256.250.056	40.963.289.260
1	Phải thu của Khách hàng	41.597.265.904	45.151.544.844	30.372.083.764	38.323.989.195
2	Trả trước cho người bán	4.909.385.463	11.745.668.711	13.519.054.669	4.621.983.936
3	Phải thu khác	1.956.988.616	619.038.984	361.903.436	1.014.107.942
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.821.553.626)	(5.259.344.162)	(2.996.791.813)	(2.996.791.813)
II	Phải thu dài hạn	-	-	-	-
	Tổng cộng	44.642.086.357	52.256.908.377	41.256.250.056	40.963.289.260

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009, 2010, 2011 và BCTC 6 tháng đầu năm 2012)

- Các khoản phải trả:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Vay và nợ ngắn hạn	32.827.865.197	29.855.676.000	3.230.562.150	12.687.111.000
2	Phải trả cho người bán	28.129.933.064	18.074.786.111	6.132.211.295	3.494.654.717
3	Người mua trả tiền trước	5.340.353.669	1.875.757.859	6.363.518.750	8.877.553.250
4	Các khoản thuế phải nộp	1.019.363.551	1.230.392.783	3.476.990.572	4.140.126.210
5	Phải trả người lao động	9.346.707.100	9.361.476.558	14.417.801.135	12.319.777.981
7	Chi phí phải trả	2.285.983.455	2.986.117.836	1.873.291.493	10.040.349.101
8	Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.739.549.935	2.888.200.184	3.840.469.310	1.421.010.085
9	Nợ dài hạn	8.622.893.966	2.754.595.120	682.979.295	659.195.592
	Tổng cộng	89.312.649.937	69.027.002.451	40.017.824.000	53.639.777.936

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009, 2010, 2011 và BCTC 6 tháng đầu năm 2012)



**11.2 Các chỉ tiêu tài chính**

Stt	Các chỉ tiêu	ĐV	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,83	1,07	2,32
2	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,09	0,2	1,13
3	- Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,45	2,08	3,53
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Tỷ suất tự tài trợ = VCBS/ Tổng vốn	Lần	0.39	0.584	0.767
1	Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,61	0,416	0,233
2	Hệ số Nợ phải trả/Vốn đầu tư của CSH	Lần	3.846	2,134	0,984
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	4,26	5,14	4,37
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số LNST/DTT	%	4,49	5,52	6,83
2	Hệ số LNST/VCSH	%	48,37	48,68	38,99
3	Hệ số LNST/Tổng TS	%	19,13	28,42	29,9

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009,2010,2011)

Dựa vào các chỉ tiêu tài chính trong 3 năm 2009, năm 2010 và năm 2011 thì Công ty càng ngày càng đảm bảo tài chính. Từ bảng các chỉ tiêu tài chính như trên ta thấy:

Đối với chỉ tiêu về khả năng thanh toán công ty càng ngày càng đảm bảo về khả năng thanh toán về các khoản nợ qua từng năm. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty từ năm 2009 đến năm 2011 thì hệ số này tăng từ 0,83 lần lên 2,32 lần cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn được đảm bảo. Đối với hệ số thanh toán nhanh của công ty từ năm 2009 đến năm 2011 thì hệ số này tăng từ 0,09 lần lên 1,13 lần cho thấy công ty đã cải thiện được khả năng thanh toán tức thời các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp bằng tiền. Với khả năng thanh toán ở mức độ an toàn cao như hiện nay sẽ giúp công ty hoàn toàn chủ động trong mua hàng và thanh toán.

Đối với chỉ tiêu về cơ cấu vốn của công ty thì hệ số chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn tăng 0,39 năm 2009 đến năm 2011 thì hệ số tự tài trợ đạt 0,763. Như vậy cơ cấu vốn của doanh nghiệp đang tăng dần tỷ trọng của vốn chủ sở hữu so với tổng nguồn vốn, doanh nghiệp càng ngày càng chủ động, không phải lệ thuộc vào nguồn vốn huy động bên ngoài.

Đối với nhóm chỉ tiêu về lợi nhuận cũng tăng theo từng năm phản ánh hiệu quả sử dụng vốn tốt của ban lãnh đạo công ty, quyền lợi cho các nhà đầu tư vào công ty ngày càng cao.



**12. Danh sách HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****12.1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Văn Tiến	Chủ tịch
2	Phan Hoài Phong	Phó chủ tịch
3	Nguyễn Bạch Mai	Thành viên
4	Lê Minh Tuấn	Thành viên
5	Nguyễn Việt Hưng	Thành viên

12.2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Trọng Nam	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhị	Thành viên
3	Trần Thị Hải	Thành viên

12.3. Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Văn Tiến	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Bạch Mai	Phó Tổng giám đốc
3	Phan Hoài Phong	Phó Tổng giám đốc

12.4. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Minh Tuấn	Kế toán trưởng

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2012 theo báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm là 31.044.640.190 đồng, bao gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa vật kiến trúc	32.282,086	22.097,437	10.184,648
2	Máy móc thiết bị	53.668,170	38.971,539	14.696,631





3	Phương tiện vận tải	8.871,771	3.232,268	5.639,503
4	Thiết bị quản lý	150,256	95,970	54,285
5	Tài sản cố định khác	49,713	49,713	-
II	Tài sản cố định vô hình	348,344	93,080	255,263
III	Chi phí xây dựng CBDD			214,307
	Cộng	95.370,34	64.540,007	31.044,640

(Nguồn: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012)

Đất đai của Công ty

TT	Địa chỉ	Đơn vị	Diện tích	Hình thức trả tiền	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng
1	18 Nguyễn Thất Thành	m ²	4.355	Thuê đất, trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1998-2018
2	Nhà máy tinh bột sắn EaKar	m ²	117.810	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2001-2051
3	Nhà máy tinh bột sắn Krông Bông	m ²	104.909	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2003-2023
4	Phan Chu Trinh, Phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột	m ²	416	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1999-2019
5	146 Y Jut, TP Buôn Ma Thuột	m ²	44,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2002-2022
6	Cuôr Knia, Huyện Bôn đôn, DakLak	m ²	480	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1998-2018
7	EaBar, Huyện Bôn đôn, DakLak	m ²	240	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2000-2020
8	Quảng Phú, Huyện Cư M'gar, DakLak	m ²	200	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1997-2027
9	Xã Krông Năng, huyện Krông Năng, DakLal	m ²	140	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	

(Nguồn: Công ty CP Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk)



**14. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức trong 3 năm 2012, 2013, 2014:**

Đơn vị: đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tổng tài sản	82.026.387.748	191.127.707.136	200.684.092.492
Doanh thu thuần	750.946.784.519	800.794.123.745	820.633.829.932
Lợi nhuận trước thuế	50.119.502.903	52.975.478.048	55.974.251.950
Lợi nhuận sau thuế	47.425.222.684	49.146.483.818	50.003.808.009
Vốn điều lệ	82.148.000.000	82.148.000.000	82.148.000.000
Cổ tức (%)	40%	40%	40%

(Nguồn: Công ty CP Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk)

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Chứng khoán Bảo Minh xin đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk trong năm 2011 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk. Công ty Chứng khoán Bảo Minh cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk dự kiến năm 2012 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

VI. RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**1. Rủi ro về kinh tế**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang có những dấu hiệu khôi phục, tình hình kinh tế Việt Nam nói chung cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng vẫn tiếp tục phải đối mặt với những rủi ro, thách thức về mặt thị trường, cạnh tranh về sản phẩm và thị phần, và các rủi





ro từ chính sách kinh tế vĩ mô như: lạm phát do chính sách tài khóa mở rộng và nói lỏng tiền tệ, chính sách hạn chế tăng trưởng tín dụng.

Về chính sách kinh tế vĩ mô, mặc dù trong năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 lạm phát đã được kiềm chế, nền kinh tế đã thoát khỏi sự suy thoái nhưng tiếp tục gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, hệ quả muộn của chính sách thắt chặt tín dụng, khiến cho nguy cơ lạm phát có thể quay trở lại trong những tháng cuối năm 2012. Các cơ quan chức năng đồng tình với chủ trương từng bước giảm bớt mức độ nói lỏng chính sách tiền tệ để ngăn ngừa lạm phát cao trở lại trong năm 2012 khi nền kinh tế phục hồi, song báo cáo mới đây của Bộ Công Thương nhận định do tốc độ sụt giảm quá nhanh của mức tăng tổng dư nợ tín dụng làm cho các doanh nghiệp khó tiếp cận đủ vốn để duy trì sản xuất và thanh khoản của nền kinh tế trở nên khó khăn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới các công ty thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu do đầu ra và đầu vào của các công ty này chịu chi phối bởi giá sản phẩm.

Tóm lại, những biến động bất lợi của nền kinh tế và những biến động về mặt chính sách là những rủi ro kinh tế mang tính chất hệ thống, có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, đối với từng doanh nghiệp cụ thể, mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào khả năng nhận định, đánh giá tình hình và sự phù hợp của chiến lược kinh doanh.

2. Rủi ro thị trường

Sản phẩm của công ty chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ của các đối thủ cạnh tranh trong cùng ngành. Thị trường tiềm ẩn đầy rủi ro và thách thức, đòi hỏi chỉ tiêu chất lượng cao và gặp nhiều sự cạnh tranh của mặt hàng nhập khẩu nước ngoài về giá cả, chất lượng. Thị trường chính của công ty là Trung Quốc nên nó hoàn toàn phụ thuộc vào quan hệ thương mại giữa 2 nước, vấn đề ổn định ở biên đông.

3. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như luật doanh nghiệp, chứng khoán và thị trường chứng khoán....Các văn bản pháp luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện do đó sẽ có nhiều thay đổi, vì vậy doanh nghiệp luôn cố gắng cập nhật.

4. Rủi ro từ đợt chào bán

Hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong thời kỳ suy giảm bởi ảnh hưởng của nền kinh tế, nhiều cổ phiếu mất tính thanh khoản. Thị trường vẫn chạy theo tâm lý đám đông và nhiều bất ổn, rủi ro cao.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều hàng hóa nên có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số cổ phần chào bán qua đấu giá. Tuy nhiên với nguồn lực và khả năng thực tế của Công ty và mức giá khởi điểm hợp lý nên doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng thành công của đợt chào bán.





5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoạ.v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



VII. LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá phần vốn Nhà nước của Công ty Cổ phần Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Doanh nghiệp trong tương lai. **Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị cổ phần.**

Bản công bố thông tin này được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua công khai cổ phần của Công ty.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày..... tháng năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
BẢO MINH CN HÀ NỘI**

Đắk Lắk, ngày..... tháng năm 2012

**CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐẮK LẮK**

Vũ Quang Vịnh

Chức vụ: Giám đốc CN

Trần Văn Tiến

Chức vụ: Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

